

Số: /KH-UBND

Quảng Trị, ngày tháng năm 2021

KẾ HOẠCH

Tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, giai đoạn 2022 - 2025

Căn cứ Nghị định số 07/2021/NĐ-CP ngày 27/01/2021 của Chính phủ quy định chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2021- 2025 (gọi tắt là Nghị định số 07/2021/NĐ - CP);

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg ngày 16/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ quy định quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 (gọi tắt là Quyết định 24/2021/QĐ- TTg);

Căn cứ Thông tư số 07/2021/TT- BLĐTBXH ngày 18/7/2021 của Bộ Lao động- Thương binh và Xã hội hướng dẫn phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022-2025 và biểu mẫu báo cáo (gọi tắt là Thông tư 07/2021/TT-BLĐTBXH); Công văn số 2499/LĐTBXH-VPOGGN ngày 02/8/2021 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội về việc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo và xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình,

UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Kế hoạch tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trên địa bàn tỉnh, giai đoạn 2022- 2025 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích

Xác định, lập danh sách, tổng hợp hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều giai đoạn 2022- 2025 quy định tại Nghị định số 07/2021/NĐ-CP, nhằm xây dựng kế hoạch và triển khai thực hiện các chương trình, chính sách giảm nghèo, an sinh xã hội và phát triển kinh tế, xã hội trong năm 2022 và giai đoạn 2022- 2025 trên địa bàn tỉnh.

2. Yêu cầu

- Thực hiện đúng theo hướng dẫn về phương pháp, quy trình và bộ công cụ rà soát xác định hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình (sau đây gọi chung là hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình) do Bộ Lao động-TB&XH ban hành, bảo đảm trung thực, khách quan, công khai, minh bạch.

- Có sự chỉ đạo của các cấp ủy Đảng và chính quyền; sự giám sát của Mặt trận Tổ quốc, các Đoàn thể và có sự tham gia của người dân.

- Kết quả tổng rà soát phản ánh đúng thực trạng đời sống của Nhân dân, tuyệt đối không bỏ sót hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình; không chạy theo thành tích làm sai lệch thực trạng đời sống của Nhân dân tại địa phương.

- Rà soát viên phải là người đã được tham gia tập huấn nghiệp vụ, có hiểu biết tình hình dân cư tại địa bàn và trực tiếp đến phỏng vấn, thu thập thông tin của từng hộ gia đình để phản ánh đúng tình hình thu nhập và thiếu hụt các dịch vụ xã hội cơ bản của hộ theo các tiêu chí quy định tại phiếu rà soát.

- Kết thúc việc tổng rà soát phải xác định và công bố được danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình; thu thập thông tin về hộ gia đình và các thành viên trong danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình để nhập vào phần mềm dữ liệu thống nhất trên toàn quốc đã được chuyển giao cho các địa phương.

II. CHUẨN NGHÈO ĐA CHIỀU

1. Hộ nghèo:

- Đối với khu vực nông thôn: Là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

- Đối với khu vực thành thị: Là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt từ 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản trở lên.

2. Hộ cận nghèo:

- Đối với khu vực nông thôn: Là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 1.500.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

- Đối với khu vực thành thị: Là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng từ 2.000.000 đồng trở xuống và thiếu hụt dưới 03 chỉ số đo lường mức độ thiếu hụt tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản.

3. Hộ có mức sống trung bình:

- Đối với khu vực nông thôn: Là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 1.500.000 đồng đến 2.250.000 đồng.

- Đối với khu vực thành thị: Là hộ có thu nhập bình quân đầu người/tháng trên 2.000.000 đồng đến 3.000.000 đồng.

III. ĐỐI TƯỢNG, PHẠM VI

1. Đối tượng:

- Toàn bộ hộ nghèo, hộ cận nghèo trong danh sách đã được cấp có thẩm quyền xác nhận có đến thời điểm rà soát (bao gồm: danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo đầu năm 2021 và hộ nghèo, hộ cận nghèo phát sinh trong năm 2021 theo chuẩn cũ đã được cấp có thẩm quyền xác nhận).

- Hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.

- Hộ gia đình quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật cư trú làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có Giấy đề nghị xác nhận hộ có mức sống trung bình theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.

2. Phạm vi:

Thực hiện tại 125 xã, phường, thị trấn trên địa bàn tỉnh Quảng Trị.

- Khu vực thành thị: các thị trấn, phường của huyện, thị xã, thành phố.

- Khu vực nông thôn: các xã của huyện, thị xã.

IV. PHƯƠNG PHÁP RÀ SOÁT, XÁC ĐỊNH TIÊU CHÍ ĐO LƯỜNG NGHÈO ĐA CHIỀU

Phương pháp rà soát, phân loại hộ nghèo, hộ cận nghèo; xác định thu nhập của hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp, diêm nghiệp có mức sống trung bình giai đoạn 2022- 2025 và biểu mẫu báo cáo được thực hiện theo hướng dẫn tại Thông tư 07/2021/TT-BLĐTBXH.

1. Phương pháp rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo: Nhận dạng, phân loại nhanh, khảo sát thu thập thông tin của hộ gia đình để ước lượng thu nhập và xác định mức độ thiếu hụt các dịch vụ cơ bản của hộ nghèo, hộ cận nghèo (trên cơ sở đăng ký của người dân, đề xuất của trưởng thôn và danh sách hộ nghèo, cận nghèo do UBND cấp xã quản lý có đến thời điểm rà soát).

2. Phương pháp xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình là phương pháp xác định thu nhập của hộ gia đình trong vòng 12 tháng trước thời điểm rà soát (không tính khoản trợ cấp hoặc trợ giúp xã hội từ ngân sách nhà nước vào thu nhập của hộ gia đình).

V. QUY TRÌNH RÀ SOÁT

1. Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo định kỳ hằng năm (định kỳ mỗi năm 01lần):

* **Bước 1.** Công tác chuẩn bị rà soát

- Tổ chức tuyên truyền rộng rãi về mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của công tác tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhất là cấp cơ sở để người dân biết thực hiện và giám sát thực hiện.

- Thành lập Ban chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo các cấp theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 Điều 10 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg.

- Xây dựng kế hoạch và dự toán kinh phí tổ chức thực hiện công tác tổng rà soát.

- Tổ chức lực lượng rà soát tại cơ sở bao gồm: Trưởng thôn, bản, khu phố (gọi tắt là thôn), đại diện các đoàn thể, ưu tiên lựa chọn rà soát viên là những người có kinh nghiệm về công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, giao tiếp được với đồng bào dân tộc thiểu số trên địa bàn (đối với các xã có đông đồng bào dân tộc thiểu số), am hiểu đặc điểm của địa phương, cơ sở.

- Tập huấn quy trình, phương pháp rà soát cho các rà soát viên.

- Tổ chức lực lượng giám sát quá trình rà soát của tỉnh, huyện, xã.

* **Bước 2.** Chỉ đạo, tổ chức tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo

a) Xác định, lập danh sách hộ thuộc diện rà soát:

- Danh sách 1: gồm toàn bộ hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn cấp xã được cấp có thẩm quyền phê duyệt có đến thời điểm rà soát.

- Danh sách 2: gồm các hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát theo mẫu quy định đã được rà soát viên nhận diện nhanh (Phiếu A, Phụ lục II, Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTĐBXH).

- Danh sách 3: các hộ vì lý do đặc biệt (không thể có Giấy đề nghị) do Trưởng thôn, rà soát viên nhận diện đề xuất được Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã xem xét đưa vào danh sách rà soát.

Tổng hợp danh sách 1, danh sách 2 và danh sách 3 thành danh sách hộ gia đình thuộc diện rà soát trên địa bàn (Mẫu tại Phụ lục 1, ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTĐBXH).

b) Tổ chức rà soát, phân loại hộ gia đình:

- Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã chủ trì, phối hợp với Trưởng thôn và rà soát viên thu thập thông tin hộ gia đình, tính điểm, tổng hợp và phân loại hộ gia đình.

- Lập danh sách hộ nghèo, danh sách hộ cận nghèo.

- Lập danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo.

* **Bước 3.** Tổ chức họp dân để thống nhất kết quả rà soát

a) Thành phần cuộc họp: Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã, công chức được phân công tham mưu công tác giảm nghèo, Trưởng thôn (chủ trì cuộc họp), Bí thư chi bộ thôn, Bí thư chi đoàn, trưởng tổ chức đoàn thể tại thôn, bản, rà soát viên và một số đại diện hộ gia đình qua rà soát, hộ gia đình khác; mời đại diện Mặt trận Tổ quốc Việt Nam cấp xã giám sát.

b) Nội dung cuộc họp: thông qua kết quả rà soát; ít nhất 50% số người tham dự họp thống nhất về kết quả đánh giá, tính điểm đối với các hộ gia đình qua rà soát (chủ yếu tập trung vào các hộ nghèo, hộ cận nghèo mới phát sinh và hộ thoát nghèo, thoát cận nghèo). Trường hợp ý kiến thống nhất dưới 50%, Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổ chức rà soát lại theo quy trình tại điểm b bước 2 và điểm a, điểm b bước 3 khoản 1, Mục V (Quy trình rà soát) của Kế hoạch này.

c) Kết quả cuộc họp được lập thành 02 biên bản có chữ ký của chủ trì, thư ký cuộc họp và đại diện của các hộ dân (01 bản lưu ở thôn, 01 bản gửi Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã).

* **Bước 4.** Niêm yết, thông báo công khai:

a) Niêm yết công khai kết quả tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo gồm: danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ mới thoát nghèo, thoát cận nghèo qua rà soát ở những nơi người dân dễ tiếp cận nhất như: nhà sinh hoạt cộng đồng thôn, bản, khu phố; trụ sở UBND cấp xã; thông báo qua loa truyền thanh cấp xã, thôn (nếu có) trong thời gian 3 ngày làm việc.

b) Trong thời gian niêm yết, thông báo công khai kết quả tổng rà soát, trường hợp có khiếu nại của người dân, Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổ chức phúc tra kết quả rà soát theo đúng quy trình rà soát tại Quyết định số 24/2021/QĐ-

TTg trong thời gian không quá 7 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được khiếu nại; niêm yết công khai kết quả phúc tra (theo trình tự công khai kết quả rà soát) trong thời gian 3 ngày làm việc.

c) Hết thời hạn niêm yết công khai và phúc tra (nếu có), Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổng hợp, báo cáo Chủ tịch UBND cấp xã về danh sách sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo (sau khi rà soát).

* **Bước 5.** Báo cáo, xin ý kiến của Chủ tịch UBND cấp huyện

a) Chủ tịch UBND cấp xã báo cáo bằng văn bản, gửi Chủ tịch UBND cấp huyện về kết quả tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

b) Trong thời gian 5 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được báo cáo của Chủ tịch UBND cấp xã, Chủ tịch UBND cấp huyện có ý kiến trả lời bằng văn bản.

* **Bước 6.** Công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo:

a) Chủ tịch UBND cấp xã tiếp thu ý kiến của Chủ tịch UBND cấp huyện, quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo và danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo trên địa bàn theo Mẫu số 02 và cấp Giấy chứng nhận cho hộ nghèo, hộ cận nghèo (theo Mẫu số 03 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg).

b) Sau khi có Quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo Chủ tịch UBND cấp xã kịp thời chỉ đạo nhập dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo vào phần mềm quản lý thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

2. Quy trình rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên hằng năm:

* **Bước 1.** Hộ gia đình có Giấy đề nghị rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo hoặc Giấy đề nghị công nhận hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo (theo Mẫu số 04 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg), nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Chủ tịch UBND cấp xã (tại trụ sở làm việc).

* **Bước 2.** Tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên: Chủ tịch UBND cấp xã chỉ đạo Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo thường xuyên theo quy trình quy định tại điểm b bước 2 và bước 3, bước 4 khoản 1 Mục V (Quy trình rà soát) của Kế hoạch này.

* **Bước 3.** Quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ thoát nghèo; cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo trong thời gian 15 ngày kể từ ngày bắt đầu rà soát theo thời hạn quy định.

Trường hợp không đủ điều kiện theo quy định, Chủ tịch UBND cấp xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Sau khi có Quyết định công nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo, Chủ tịch UBND cấp xã kịp thời chỉ đạo tổng hợp báo cáo Chủ tịch UBND cấp huyện và nhập dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo vào phần mềm quản lý thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

3. Quy trình xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình:

* **Bước 1.** Công tác chuẩn bị rà soát

a) Tổ chức thông tin, tuyên truyền rộng rãi về mục đích, ý nghĩa, yêu cầu của công tác xác định hộ có mức sống trung bình theo chuẩn mới theo quy định của Chính phủ trên các phương tiện thông tin đại chúng, nhất là cấp cơ sở để người dân biết thực hiện và giám sát thực hiện.

b) Hướng dẫn hộ gia đình quy định tại khoản 2 Điều 37 Luật cư trú làm việc trong lĩnh vực nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có Giấy đề nghị xác nhận hộ có mức sống trung bình (theo Mẫu số 01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg) nộp trực tiếp hoặc gửi qua đường bưu điện đến Chủ tịch UBND cấp xã (tại trụ sở làm việc).

* **Bước 2.** Tổ chức xác định thu nhập của hộ gia đình

a) Chủ tịch UBND cấp xã chỉ đạo Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã tổ chức xác định thu nhập của hộ gia đình theo mẫu biểu hướng dẫn tại Phụ lục VIII ban hành kèm theo Thông tư số 07/2021/TT-BLĐTBXH.

b) Niêm yết, thông báo công khai kết quả tại trụ sở xã trong thời gian 5 ngày làm việc, trường hợp có khiếu nại thì tổ chức phúc tra trong thời gian 3 ngày làm việc (quy trình, mẫu biểu thực hiện phúc tra theo hướng dẫn tại điểm a, bước 2, tổ chức xác định thu nhập hộ gia đình tại Kế hoạch này).

c) Quyết định công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình (theo Mẫu số 02 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg) trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bắt đầu rà soát theo quy định. Trường hợp không đủ điều kiện theo quy định, Chủ tịch UBND cấp xã trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

VI. THỜI GIAN, TIẾN ĐỘ THỰC HIỆN TỔNG RÀ SOÁT

1. **Thời gian:** Từ ngày 01/9/2021 đến ngày 14/12/2021.

2. **Tiến độ thực hiện:**

TT	Thời gian	Nội dung hoạt động
1	Từ ngày 01/9/2021 đến ngày 15/9/2021	<p>* Sở Lao động – Thương binh và Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức Hội nghị (theo hình thức trực tuyến) triển khai Kế hoạch và tập huấn nghiệp vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cho các thành viên BCD tỉnh và một số thành viên BCD cấp huyện.
2	Từ ngày 10/9/2021 đến ngày 30/9/2021	<p>* Các huyện, thành phố, thị xã:</p> <p>Chỉ đạo Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tham mưu trình UBND cấp huyện ban hành Quyết định thành lập BCD rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp huyện; Kế hoạch rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn. - Tổ chức Hội nghị triển khai Kế hoạch và tập huấn

TT	Thời gian	Nội dung hoạt động
		hướng dẫn nghiệp vụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cho các thành viên BCD cấp huyện, BCD cấp xã và các rà soát viên.
3	Từ ngày 15/9/2021 đến ngày 30/10/2021	<p>* Các xã, phường, thị trấn:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức tuyên truyền, phổ biến; triển khai kế hoạch rà soát về thôn, bản, khu phố; quyết định thành lập Ban Chỉ đạo rà soát cấp xã. - BCD cấp xã tiến hành rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo đúng quy định hướng dẫn về phương pháp, quy trình và bộ công cụ rà soát. - BCD cấp xã báo cáo kết quả sơ bộ về BCD cấp huyện (qua Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội) trước ngày 01/11/2021. - Tổng hợp kết quả rà soát và báo cáo chính thức lên BCD cấp huyện trước ngày 10/11/2021.
4	Từ ngày 01/11/2021 đến ngày 05/12/2021	<p>* Các huyện, thị xã, thành phố:</p> <ul style="list-style-type: none"> - BCD cấp huyện báo cáo kết quả sơ bộ về BCD tỉnh (qua Sở Lao động – Thương binh và Xã hội) trước ngày 05/11/2021. - Tổng hợp, báo cáo kết quả rà soát chính thức về BCD tỉnh (qua Sở Lao động – Thương binh và Xã hội) trước ngày 05/12/2021.
5	Từ ngày 06/11/2021 đến ngày 14/12/2021	<p>* Sở Lao động – Thương binh và Xã hội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổng hợp, báo cáo kết quả rà soát sơ bộ về UBND tỉnh để báo cáo Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội trước ngày 15/11/2021. - Tổng hợp, báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo chính thức của toàn tỉnh, trình UBND tỉnh để báo cáo Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội trước ngày 14/12/2021.

***Ghi chú:**

- BCD cấp xã báo cáo kết quả rà soát sơ bộ về BCD cấp huyện (qua Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội) trước ngày 01/11/2021.
- BCD cấp huyện báo cáo kết quả rà soát sơ bộ về BCD cấp tỉnh (qua Sở Lao động – Thương binh và Xã hội) trước ngày 05/11/2021.
- BCD cấp tỉnh báo cáo kết quả rà soát sơ bộ về UBND tỉnh để báo cáo Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội trước ngày 15/11/2021.

VII. KINH PHÍ THỰC HIỆN

Kinh phí rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình hằng năm và giai đoạn 2022 - 2025 do ngân sách nhà nước đảm bảo theo phân cấp hiện hành.

UBND các huyện, thị xã, thành phố chủ động cân đối, bố trí ngân sách địa phương đảm bảo công tác rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2022 - 2025 và hằng năm tại địa phương.

VIII. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Cấp tỉnh:

a) Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp tỉnh (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo cấp tỉnh): Có trách nhiệm chỉ đạo việc tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn toàn tỉnh giai đoạn 2022- 2025. Tổng hợp, báo cáo kết quả tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo về UBND tỉnh và Bộ Lao động – Thương binh và Xã hội.

b) Sở Lao động – Thương binh và Xã hội: Tổ chức tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn rà soát, đánh giá tình hình hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021; triển khai kế hoạch và hướng dẫn quy trình và bộ công cụ rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2022- 2025 cho các thành viên BCD cấp tỉnh và một số thành viên BCD cấp huyện; xây dựng kế hoạch kinh phí của Sở Lao động- TB&XH để tổ chức thực hiện công tác tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo; chủ trì, phối hợp với Cục Thống kê chỉ đạo, giám sát công tác tổng rà soát tại các địa phương; tổng hợp, tham mưu Ban Chỉ đạo cấp tỉnh trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt kết quả tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn và báo cáo về Bộ Lao động - TB&XH; tổ chức ứng dụng công nghệ thông tin trong việc rà soát, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình trên địa bàn.

c) Cục Thống kê: phối hợp với Sở Lao động – Thương binh và Xã hội chỉ đạo, kiểm tra, giám sát các địa phương thực hiện tốt cuộc rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2022 - 2025 và hằng năm trên địa bàn tỉnh.

d) Sở Tài chính: Thẩm định dự toán, tham mưu UBND tỉnh bố trí kinh phí cho Sở Lao động - Thương binh và Xã hội để tổ chức tuyên truyền, tập huấn, hướng dẫn các địa phương rà soát, đánh giá tình hình hộ nghèo, hộ cận nghèo năm 2021.

e) Sở Thông tin và Truyền thông, Đài Phát thanh - Truyền hình Quảng Trị, Báo Quảng Trị và các cơ quan thông tin đại chúng: Đẩy mạnh tuyên truyền nâng cao nhận thức của người dân về tầm quan trọng, ý nghĩa của công tác tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022- 2025.

2. Các huyện, thị xã, thành phố:

- Thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp huyện do Chủ tịch UBND huyện làm Trưởng ban, Phó Trưởng ban và thành viên Ban Chỉ đạo theo quy định tại điểm a, khoản 2 Điều 10 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg (trường hợp cần bổ sung các thành viên khác, do Chủ tịch UBND cấp huyện quyết định) để chỉ đạo tổ chức tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, xác định hộ có mức sống trung bình trên địa bàn bảo đảm chính xác, khách quan, công khai, dân chủ, theo đúng quy trình, phương pháp đã được hướng dẫn.

- Ban hành Kế hoạch tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo đa chiều giai đoạn 2022- 2025 trên địa bàn.

- Tuyên truyền, phổ biến mục đích, yêu cầu của việc tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2022 - 2025 và hằng năm.

- Tổ chức tập huấn quy trình và bộ công cụ rà soát cho các thành viên Ban Chỉ đạo cấp huyện, BCD cấp xã, rà soát viên, trưởng các thôn/bản/khu phố và cung cấp tài liệu rà soát, các biểu mẫu, các loại phiếu để phục vụ cho công tác tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

- Chỉ đạo Chủ tịch UBND cấp xã tổ chức rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

- Chỉ đạo thẩm định, kiểm tra kết quả rà soát của cấp xã. Trong quá trình tổ chức thực hiện, qua kiểm tra, giám sát, nắm bắt thông tin của Nhân dân, nếu nhận thấy kết quả rà soát chưa phản ánh sát thực tế tình hình đời sống, thu nhập của người dân, chỉ đạo tổ chức phúc tra lại kết quả rà soát ở những địa bàn cần thiết, đồng thời thông báo công khai để Nhân dân biết trước khi UBND cấp xã làm thủ tục công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn.

- Cho ý kiến bằng văn bản về kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo của Chủ tịch UBND cấp xã trong phạm vi thời gian quy định; tổng hợp, báo cáo kết quả rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình trên địa bàn về Ban Chỉ đạo cấp tỉnh (qua Sở Lao động – Thương binh và Xã hội).

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc rà soát, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình trên địa bàn.

- Chủ động bố trí ngân sách để phục vụ tốt công tác tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2022 - 2025 và hằng năm.

3. Các xã, phường, thị trấn:

UBND cấp xã thành lập Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo cấp xã do Chủ tịch UBND cấp xã làm trưởng ban, Phó Trưởng ban và thành viên Ban Chỉ đạo theo quy định tại điểm a, khoản 3 Điều 10 Quyết định số 24/2021/QĐ-TTg (Trường hợp cần bổ sung thêm thành viên khác, do Chủ tịch UBND cấp xã quyết định), Ban Chỉ đạo có nhiệm vụ:

- Xây dựng và triển khai thực hiện kế hoạch tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn cấp xã.

- Tuyên truyền, phổ biến mục đích, yêu cầu của việc tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2022 - 2025 và hằng năm.

- Tổ chức lực lượng, rà soát viên thực hiện công tác tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo trên địa bàn giai đoạn 2022- 2025 và hằng năm theo quy trình, phương pháp đã được hướng dẫn, đảm bảo khách quan, công khai, minh bạch, phản ánh đúng sát tình hình thực tế đời sống của Nhân dân.

- Niêm yết công khai kết quả rà soát; tổng hợp kết quả rà soát gửi Ban Chỉ đạo cấp huyện theo đúng thời gian quy định.

- Tổ chức xác định hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình khi nhận được Giấy đề nghị của hộ gia đình.

- Chủ tịch UBND cấp xã quyết định công nhận danh sách hộ nghèo, hộ cận nghèo; danh sách hộ thoát nghèo, hộ thoát cận nghèo và cấp Giấy chứng nhận hộ nghèo, hộ cận nghèo; công nhận hộ làm nông nghiệp, lâm nghiệp, ngư nghiệp và diêm nghiệp có mức sống trung bình; chỉ đạo ứng dụng công nghệ thông tin trong việc rà soát, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình trên địa bàn.

- Ứng dụng công nghệ thông tin trong việc rà soát, quản lý hộ nghèo, hộ cận nghèo và hộ có mức sống trung bình trên địa bàn.

- Chủ tịch UBND cấp xã kịp thời chỉ đạo nhập dữ liệu hộ nghèo, hộ cận nghèo vào phần mềm quản lý thống nhất trên phạm vi toàn quốc.

- Chủ động bố trí ngân sách để phục vụ tốt công tác tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo giai đoạn 2022 - 2025 và hằng năm.

4. Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh và các tổ chức thành viên: Tuyên truyền, vận động Nhân dân và hội viên tham gia thực hiện tốt công tác rà soát và tổ chức giám sát chặt chẽ quá trình tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo, hộ có mức sống trung bình trên địa bàn tỉnh, đặc biệt là từ cơ sở, thôn/bản/khu phố, xã/phường/thị trấn.

Trên đây là Kế hoạch tổng rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2022 - 2025, UBND tỉnh yêu cầu Ban Chỉ đạo rà soát hộ nghèo, hộ cận nghèo tỉnh, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, các Sở, ban, ngành liên quan và UBND các huyện, thị xã, thành phố triển khai thực hiện, đồng thời thường xuyên chỉ đạo, đảm bảo tiến độ thực hiện theo Kế hoạch nêu trên.

Trong quá trình triển khai thực hiện các hoạt động của Kế hoạch phải đảm bảo an toàn về công tác phòng, chống dịch bệnh Covid-19 theo quy định, trong trường hợp có vướng mắc, đề nghị phản ánh về UBND tỉnh (qua Sở Lao động – Thương binh và Xã hội) để tổng hợp, xem xét giải quyết./.

Nơi nhận:

- Bộ LĐ-TB&XH;
- TT Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Ủy ban Mặt trận TQVN tỉnh;
- Các Sở: LĐ-TB&XH, TC, TT&TT;
- Cục Thống kê tỉnh;
- Các Hội, đoàn thể cấp tỉnh;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố;
- Đài PTTH tỉnh, Báo Quảng Trị;
- CVP, PVP;
- Lưu VT, VX.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Hoàng Nam